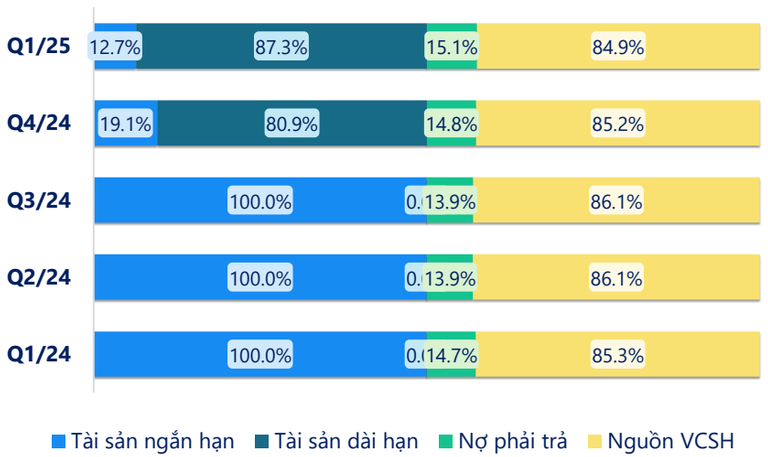
FireAnt

CTCP CNC Capital Việt Nam (HNX: KSQ)

Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	3,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	4,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	2,500
SL cổ phiếu LH	30,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	84,010
% sở hữu nước ngoài	0.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	93
P/E	-11.1
EPS	-280

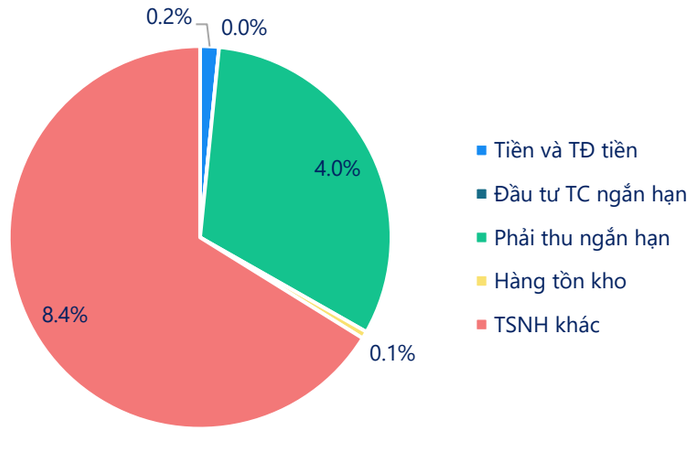
	YTD	1T	3T	6T
KSQ	0.0%	-3.1%	-3.1%	-13.9%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



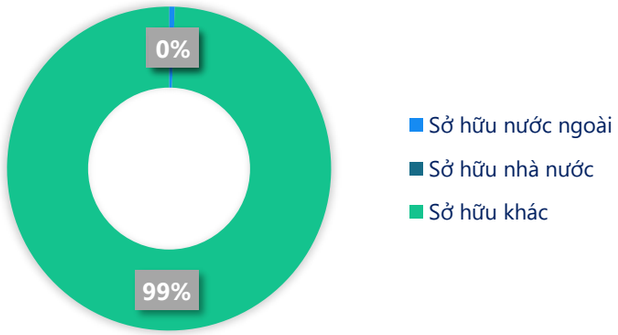
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



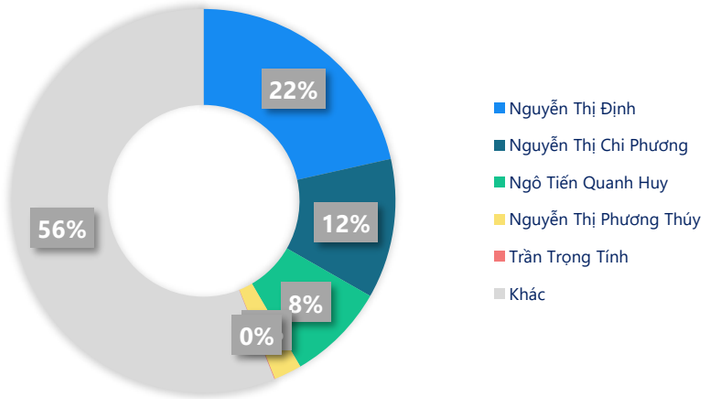
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



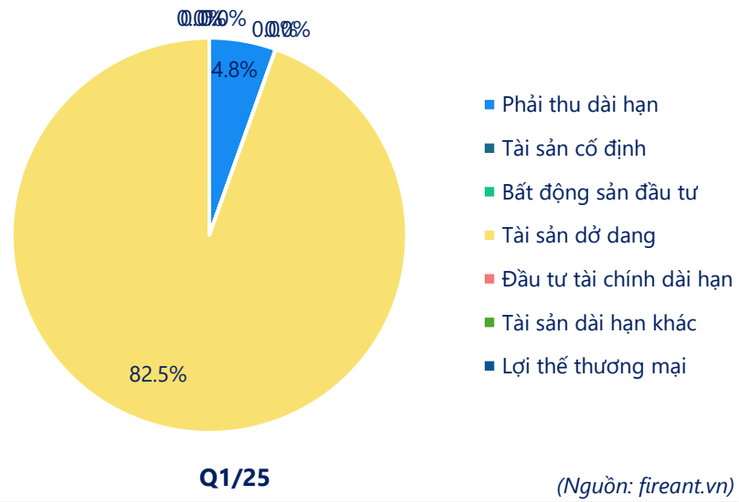
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

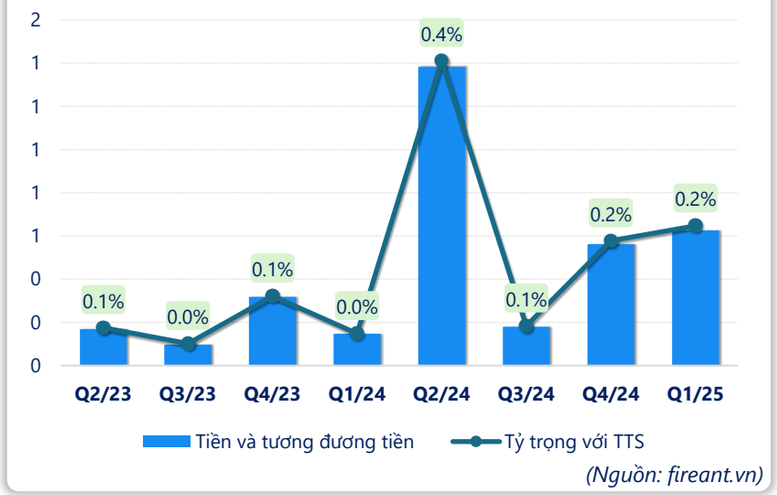


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

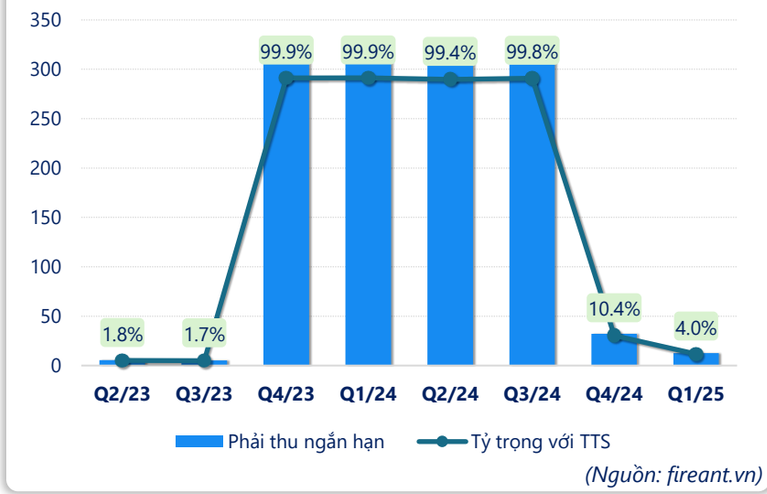
CTCP CNC Capital Việt Nam (HNX: KSQ)

Tiền và tương đương tiền



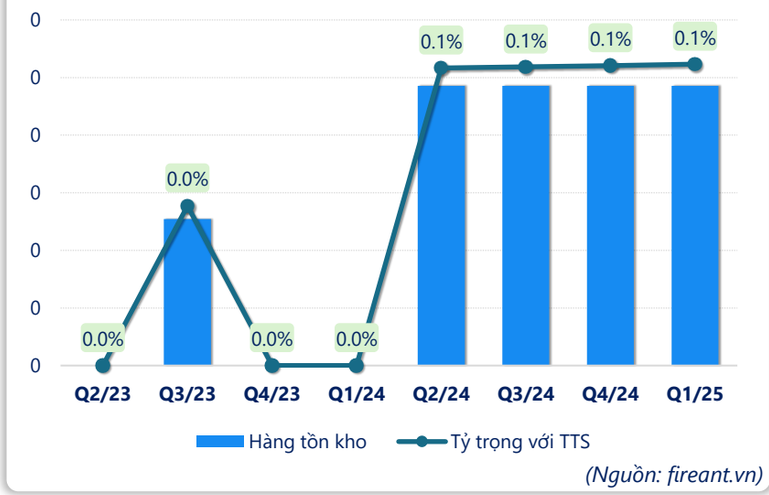
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



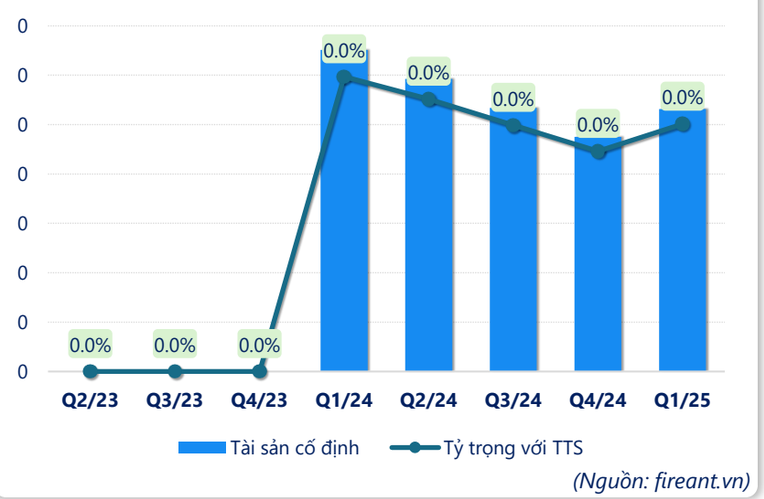
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



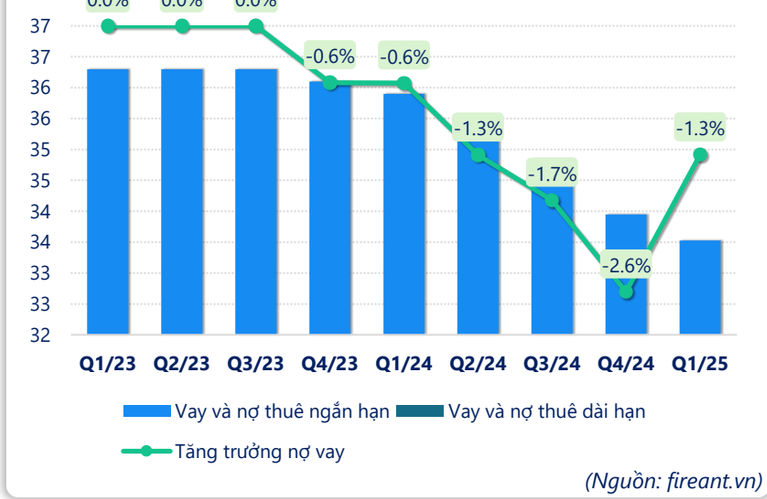
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



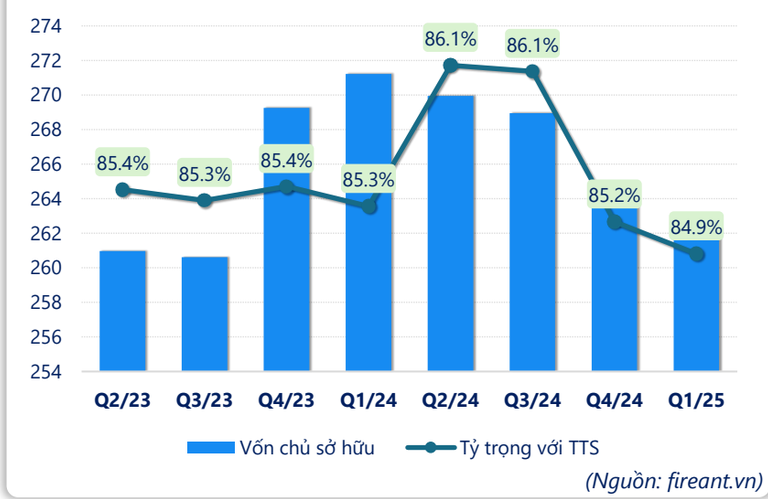
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

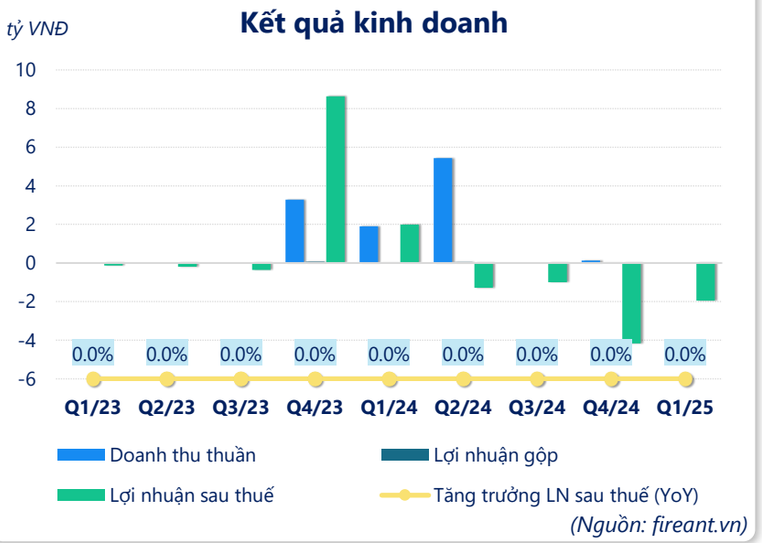


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

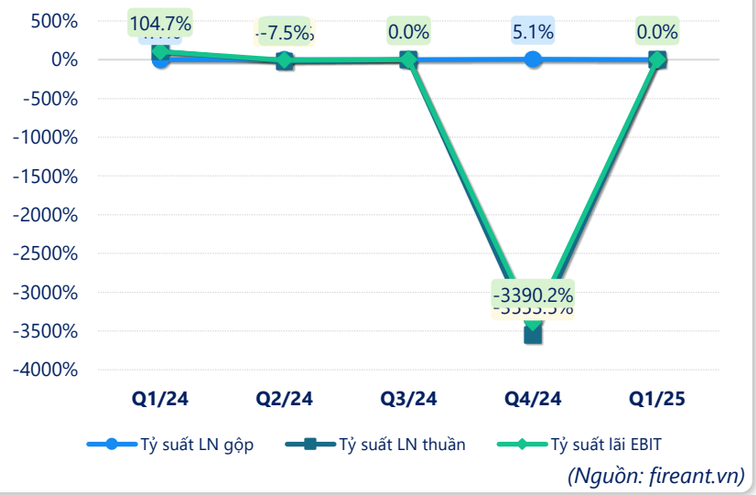
CTCP CNC Capital Việt Nam (HNX: KSQ)

Kết quả kinh doanh



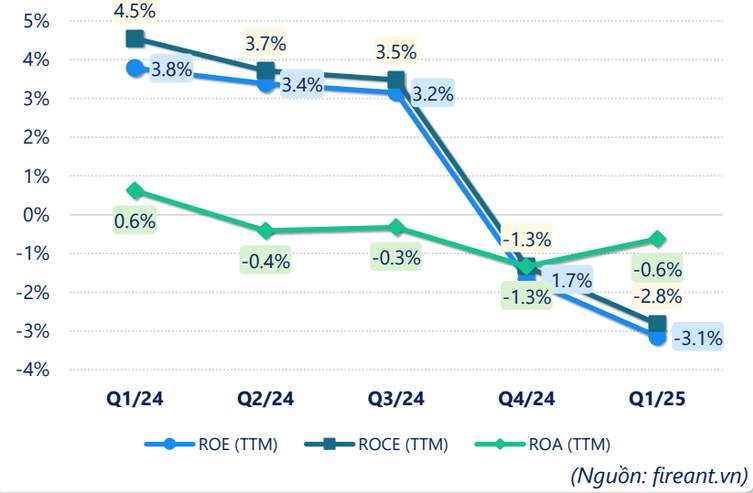
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



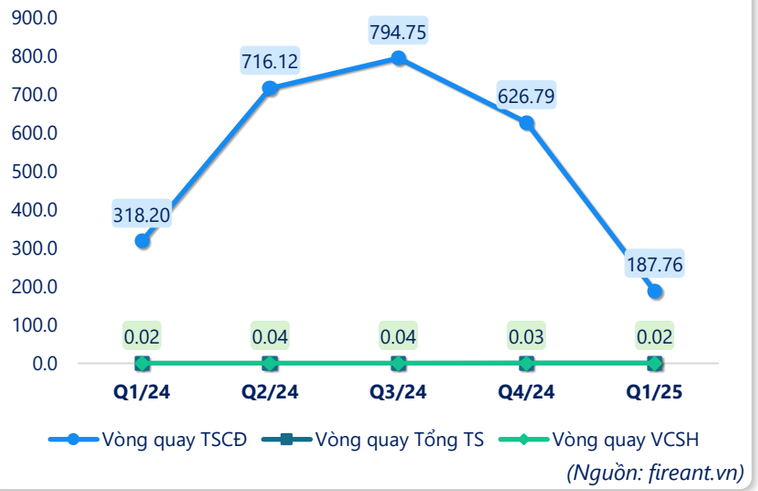
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



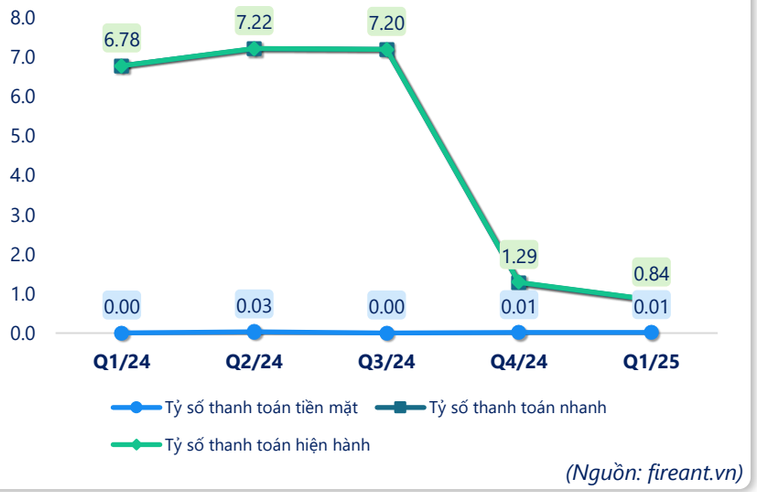
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



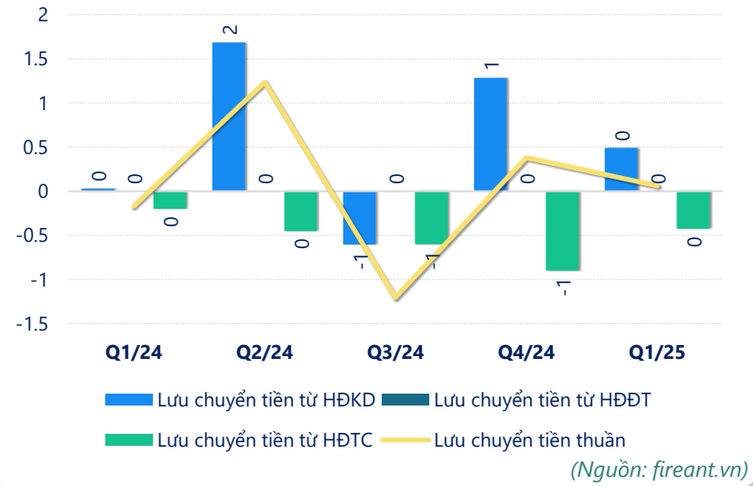
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP CNC Capital Việt Nam (HNX: KSQ)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**309**	**311**	**-0.5%**
Tài sản ngắn hạn	39.3	36.8	6.8%
Tiền và tương đương tiền	0.63	0.56	11.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	12.4	9.65	28.9%
Hàng tồn kho	0.24	0.24	0.0%
Tài sản ngắn hạn khác	26.0	26.4	-1.3%
Tài sản dài hạn	**270**	**274**	**-1.5%**
Phải thu dài hạn	14.7	22.6	-34.9%
Tài sản cố định	0.03	0.03	-6.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	255	252	1.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0**	**0**	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	46.6	46.2	0.9%
Nợ ngắn hạn	**46.6**	**46.2**	**0.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	33.5	34.0	-1.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	1.60	1.59	0.8%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**263**	**265**	**-0.7%**
Vốn chủ sở hữu	**263**	**265**	**-0.7%**
Vốn điều lệ	300	300	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	1.90	5.43	0	0.12	0
Giá vốn hàng bán	1.88	5.37	0	0.12	0
Lợi nhuận gộp	0.02	0.06	0	0.01	0
Doanh thu HĐTC	3.22	0.00	0.00	0.00	0.00
Chi phí TC	0.87	0.87	0.75	3.90	0.78
Chi phí lãi vay	0	0.87	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	0.38	0.46	0.25	0.46	1.17
LN thuần từ HĐKD	1.99	-1.28	-1.00	-4.36	-1.95
Lợi nhuận khác	0	0.00	0.00	0.20	0
LN trước thuế	1.99	-1.28	-1.00	-4.16	-1.95
Lợi nhuận sau thuế	1.99	-1.28	-1.00	-4.16	-1.95
LNST của CĐ cty mẹ	1.99	-1.28	-1.00	-4.16	-1.95

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.03	1.69	-0.60	1.28	0.49
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.20	-0.45	-0.60	-0.90	-0.43
Tiền đầu kỳ	0.32	0.15	1.38	0.18	0.56
Lưu chuyển tiền thuần	**-0.17**	**1.24**	**-1.20**	**0.38**	**0.06**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.15	1.38	0.18	0.56	0.63

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic